

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/HS-ST
Ngày 30 - 10 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Trang;
2. Ông Nguyễn Khắc Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Ngọc Triều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Bé T, sinh năm 1990 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X và bà Bùi Thanh T; bị cáo có vợ Phan Thị Kim T; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/5/2019, chuyển tạm giam từ ngày 29/5/2019 tại nhà tạm giữ Công an huyện Tân Biên cho đến nay, có mặt.

2/ Phan Văn V, sinh năm 1986 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T và bà Trần Thị A; bị cáo có vợ Phan Thị D và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/5/2019, chuyển tạm giam từ ngày 28/5/2019 tại nhà tạm giữ Công an huyện Tân Biên cho đến nay, có mặt.

3/ Trần Văn Đ, sinh năm 1979 tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị M (chết); bị cáo có vợ là Lê Thị T và 02 con; tiền án;

tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/7/2019 tại nhà tạm giữ Công an huyện Tân Biên cho đến nay, có mặt.

4/ Nguyễn Văn T, sinh năm 1996 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X và bà Bùi Thanh T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/8/2019 cho đến nay, có mặt.

5/ Dương Thị K, sinh năm 1969 tại Campuchia; Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T và bà Lê Thị N; bị cáo có chồng Trương Văn L và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú 06/6/2019 cho đến nay, có mặt.

6/ Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp X, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú hiện nay: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Phan Thị H; bị cáo có chồng Huỳnh Văn B (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/6/2019 cho đến nay, có mặt.

7/ Võ Công M, sinh năm 1979 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn C (đã chết) và bà Võ Thị L; bị cáo có vợ Trần Thị Thùy L (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/6/2019 bị cáo bỏ trốn nên đến ngày 23/10/2019 bắt tạm giam cho đến nay, có mặt.

8/ Đậu Văn Đ, sinh năm 1992 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đậu Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/6/2019 cho đến nay, có mặt.

9/ Phạm Văn Đ, sinh năm 1976 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; Cha không xác định con bà Phạm Thị Đ; bị cáo có vợ Nguyễn Thị N và 04 con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/6/2019 cho đến nay, có mặt.

10/ Trương Văn N, sinh năm 1963 tại tỉnh Hà Nam; Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Q và bà Nguyễn Thị G (cả hai đã chết); bị cáo có vợ Đỗ Thị S và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/6/2019 cho đến nay, có mặt.

11/ Hà Phước N, sinh năm 1975 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; Cha không xác định con bà Hà Thị B; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/6/2019 cho đến nay, có mặt.

12/ Lại Văn T, sinh năm 1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lại Văn T và bà Phan Thị L; bị cáo có vợ Nguyễn Thị H và 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/6/2019 cho đến nay, có mặt.

13/ Mai Thị Thanh T, sinh năm 1986 tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp U, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Hữu H và bà Nguyễn Thị B; bị cáo có chồng Lê Văn Đ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/6/2019 cho đến nay, có mặt.

14/ Lê Thành U, sinh năm 1975 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ (đã chết) và bà Lê Thị L; bị cáo có vợ Phạm Thị V và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/6/2019 cho đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 18/5/2019, Nguyễn Bé T mang theo 03 hột xì ngầu, 01 cái đĩa nhỏ và 01 nắp đầy chai thuốc xịt mũi bằng nhựa, màu đen cùng với Phan Văn V, Trần Văn Đ mỗi người bỏ ra 700.000 đồng hùn vốn làm cái lắc tài xỉu ăn tiền tại nhà ông Võ Văn C, sinh năm 1963, ngụ ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Số tiền đánh bạc của những người tham gia đánh bạc cụ thể như sau:

1. Nguyễn Bé T mang theo 700.000 đồng để làm cái lắc tài xỉu, khi Công an bắt quả tang, T còn giữ 600.000 đồng tiền làm cái đã bỏ lại hết tại chiếu bạc, T chạy thoát.

2. Phan Văn V mang theo 900.000 đồng, sử dụng 700.000 đồng vào mục đích đánh bạc, khi bị bắt còn giữ 100.000 đồng tiền làm cái lắc tài xỉu. Bị thu giữ số tiền 300.000 đồng.

3. Trần Văn Đ mang theo 900.000 đồng và sử dụng 700.000 đồng vào mục đích đánh bạc, khi Công an vào bắt quả tang Đ chạy thoát.

4. Nguyễn Văn T sử dụng 320.000 đồng vào mục đích đánh bạc, khi Công an vào bắt quả tang đã thua hết tiền, T chạy thoát.

5. Dương Thị K mang theo 770.000 đồng và sử dụng 30.000 đồng vào mục đích đánh bạc, khi bị bắt đã thua hết tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc, bị tạm giữ 740.000 đồng.

6. Nguyễn Thị L mang theo 20.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc, khi Công an vào bắt quả tang L đã thua hết tiền.

7. Võ Công M mang theo 7.300.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc, khi bị bắt bỏ lại chiếu bạc 2.100.000 đồng, bị tạm giữ 5.000.000 đồng và 60.000 đồng ở dưới chân của M.

8. Đậu Văn Đ mang theo 180.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc, khi bị Công an bắt đã thua hết tiền.

9. Phạm Văn Đ mang theo 30.000 đồng để đánh bạc, khi Công an bắt đã thua hết tiền.

10. Trương Văn N mang theo 3.585.000 đồng, sử dụng 550.000 đồng vào mục đích đánh bạc, chơi đến khi Công an bắt đã ăn được 100.000 đồng, để lại chiếu bạc 150.000 đồng, bị tạm giữ 3.535.000 đồng.

11. Hà Phước N mang theo 50.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc khi bị Công an bắt đã thua 10.000 đồng, bỏ lại chiếu bạc 10.000 đồng, bị tạm giữ 30.000 đồng.

12. Lại Văn T mang theo 315.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, chơi đến khi Công an bắt không thắng, không thua, bị tạm giữ 315.000 đồng.

13. Mai Thị Thanh T mang theo 80.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, khi Công an bắt đã thua hết tiền.

14. Lê Thành U sử dụng 60.000 đồng vào mục đích đánh bạc, khi Công an bắt đã thua hết 10.000 đồng, bị tạm giữ 50.000 đồng

Sòng tài xỉu diễn ra đến 14 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện Tân Biên bắt quả tang thu giữ tại sòng bạc số tiền 6.610.000 đồng và 02 hột xí ngầu.

Tổng số tiền dùng vào mục đích đánh bạc là 11.035.000 (mười một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Bé T, Phan Văn V, Trần Văn Đ, Trương Văn N, Võ Công M, Hà Phước N, Phạm Văn Đ, Đậu Văn Đ, Lại Văn T, Mai Thị Thanh T, Nguyễn Thị L, Dương Thị K, Nguyễn Văn T đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lê Thành U không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng căn cứ vào tài liệu, chứng cứ xác định Lê Thành U đã thực hiện hành vi đánh bạc, đặt cược tại sòng tài xỉu cho đến khi bị bắt quả tang.

*** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu đồ vật; xử lý vật chứng:**

- Thu giữ tại chiếu bạc: 6.610.000 (sáu triệu sáu trăm mười nghìn) đồng; 02 hột xí ngầu;

- Tạm giữ của Đậu Văn Đ 01 điện thoại di động Nokia, màu xanh, số Imel: 357286081569240;

- Tạm giữ của Mai Thị Thanh T 01 điện thoại Samsung, màu đen, số Imel 355228/08/235311/9; 01 xe mô tô Honda Blade, màu đen, biển số 70H1-351.28, số máy 0593005;

- Tạm giữ của Hà Phước N: Tiền Việt Nam 30.000 (ba mươi nghìn) đồng; 01 xe mô tô Dream, màu nâu, biển số 70S2-6076, số máy 0032397;

- Tạm giữ của Nguyễn Thị L: 01 xe mô tô Dream, màu nâu, biển số 53X5-7220, số máy 99101098;

- Tạm giữ của Lại Văn T: Tiền Việt Nam 315.000 (Ba trăm mười lăm nghìn) đồng; 01 điện thoại Nokia màu đen, số Imel: 357401044854411; 01 xe mô tô không rõ loại, không biển số, số máy M0186917;

- Tạm giữ của Trương Văn N: Tiền Việt Nam 3.535.000 (ba triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn) đồng; 01 điện thoại Nokia màu đen, số Imel 354893085639722;

- Tạm giữ của Dương Thị K: Tiền Việt Nam 740.000 (bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng; 01 điện thoại Masstel màu vàng, số Imel 358372047130035; 01 điện thoại Huawei, màu bạc, số Imel: 869504021527669; 01 xe mô tô Dream, màu nâu, biển số 70H1-042.93, số máy RPKFM1P52FMH00021525;

- Tạm giữ của Võ Công M: Tiền Việt Nam 5.060.000 (năm triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng;

- Tạm giữ của Phạm Văn Đ: 01 điện thoại Nokia màu xanh, số Imel: 359002098334504;

- Tạm giữ của Lê Thành U: Tiền Việt Nam 50.000 (năm mươi nghìn) đồng;

- Tạm giữ của Phan Văn V: Tiền Việt Nam 305.000 (ba trăm lẻ năm nghìn) đồng;

- Thu giữ tại sân nhà ông Võ Văn C:

+ 01 xe mô tô Dream, màu nâu, biển số 70M2-7803, số máy V00304713 đã trả lại cho ông Phan Văn Q theo Quyết định xử lý vật chứng số 18 ngày 30/7/2019;

+ 01 xe mô tô Yamaha Jupiter, màu đỏ, biển số 70H1-085.99, số máy 5B95-130240 đã trả lại cho anh Trương Thanh H theo Quyết định xử lý vật chứng số 18 ngày 30/7/2019;

+ 01 xe mô tô Sirius, màu đen, biển số 70F9-5767, số máy A2T0367 đã trả lại cho anh Đậu Văn T theo Quyết định xử lý vật chứng số 18 ngày 30/7/2019;

+ 01 xe mô tô Wave, màu trắng, biển số 70H1-404.66, số máy: JA39E-0588805 đã trả lại cho Đặng Ngọc H theo Quyết định xử lý vật chứng số 18 ngày 30/7/2019;

+ 01 xe mô tô Dream màu nâu, biển số: 70H5-8455, số máy IP50FMG-310686022 đã trả lại cho bà Hồ Thị T theo Quyết định xử lý vật chứng số 18 ngày 30/7/2019;

+ 01 xe mô tô Sirius, màu vàng đen, biển số 70H1- 035.46, số máy 5C64-539128 đã trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ theo Quyết định xử lý vật chứng số 18 ngày 30/7/2019;

+ 01 xe mô tô SYM Angel, màu xanh, biển số 70P2-8013, số máy 025967 đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Mộng T theo Quyết định xử lý vật chứng số 18 ngày 30/7/2019;

+ 01 xe Sirius, màu trắng đen, biển số 70H1-088.21, số máy 5C64-799646 đã trả lại cho anh Võ Thanh H theo Quyết định xử lý vật chứng số 18 ngày 30/7/2019;

+ 01 xe Wave, màu xanh, biển số 70H1-293.12, số máy: 7430015 đã trả lại cho anh Phan Văn T theo Quyết định xử lý vật chứng số 18 ngày 30/7/2019;

+ 01 xe mô tô Honda Blade, màu đen cam, biển số 70H1-292.58, số máy 0303102 đã trả lại cho anh Ngô Minh T theo Quyết định xử lý vật chứng số 18 ngày 30/7/2019;

+ 01 xe mô tô Honda Blade màu đen, biển số 70H1-353.75, số máy 0604357 đã trả lại cho anh Nguyễn Trường A theo Quyết định xử lý vật chứng số 18 ngày 30/7/2019;

+ 01 xe mô tô FUSIN không biển số, số máy 357034, số khung 357034 đã trả lại cho bà Nguyễn Thị P theo Quyết định xử lý vật chứng số 18 ngày 30/7/2019;

+ 01 xe mô tô Honda Blade màu đen, biển số 70H1-388.70, số máy JA36E-0709549 đã trả lại cho chị Lê Thị S theo Quyết định xử lý vật chứng số 31 ngày 30/7/2019;

+ 01 xe mô tô Wave, màu xanh, biển số 70K9-5838, số máy 000921 đã trả lại cho ông Hồ Văn T theo Quyết định xử lý vật chứng số 31 ngày 30/7/2019.

*** Kết quả kê biên tài sản:**

+ Mai Thị Thanh T có quyền sử dụng đất với diện tích 345m² thuộc thửa đất số 756 tờ bản đồ số 09 tại ấp U, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Biên kê biên theo Lệnh kê biên số 18 ngày 08/8/2019.

+ Trương Văn N có quyền sử dụng đất với diện tích 708 m² thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 32 tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Biên kê biên theo Lệnh kê biên số 19 ngày 08/8/2019.

+ Lại Văn T có quyền sử dụng đất với diện tích 313m² tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 37 thuộc ấp Y, xã M, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đang thế chấp tại ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Tân Biên nên không tiến hành kê biên.

+ Phạm Văn Đ có quyền sử dụng đất với diện tích 9928m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 36 thuộc ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đang thế chấp tại ngân hàng Agribank chi nhánh KVMĐ Tân Hưng nên không tiến hành kê biên.

+ Lê Thành U có quyền sử dụng đất với diện tích 1580m² tại thửa đất số 440 tờ bản đồ số 09 thuộc ấp T, xã B, huyện C hiện đang thế chấp tại ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Tân Biên nên không tiến hành kê biên.

Đối với Nguyễn Bé T, Phan Văn V, Trần Văn Đ, Nguyễn Thị L, Đậu Văn Đ, Hà Phước N, Võ Công M, Dương Thị K, Nguyễn Văn T không có tài sản có giá trị nên không tiến hành kê biên.

Bản cáo trạng số 73/CT-VKSTB ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Bé T, Phan Văn V, Trần Văn Đ, Trương Văn N, Võ Công M, Hà Phước N, Phạm Văn Đ, Đậu Văn Đ, Lê Thành U, Lại Văn T, Mai Thị Thanh T, Nguyễn Thị L, Dương Thị K, Nguyễn Văn T về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát huyện Tân Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bé T, Phan Văn V, Trần Văn Đ, Trương Văn N, Võ Công M, Hà Phước N, Phạm Văn Đ, Đậu Văn Đ, Lê Thành U, Lại Văn T, Mai Thị Thanh T, Nguyễn Thị L, Dương Thị K, Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc” đề nghị.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Bé T từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Văn V từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 Điều 322; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn Đ từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Công M từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Văn N 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thành U 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hà Phước N 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đậu Văn Đ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lại Văn T từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mai Thị Thanh T từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Thị K từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Hình phạt bổ sung: Đối với các bị cáo Nguyễn Bé T, Phan Văn V, Trần Văn Đ, Võ Công M không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, đối với các bị cáo Trương Văn N, Hà Phước N, Phạm Văn Đ, Đậu Văn Đ, Lê Thành U, Lại Văn T, Mai Thị Thanh T, Nguyễn Thị L, Dương Thị K, Nguyễn Văn T đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và không có ý kiến tranh luận, riêng bị cáo U cho rằng bị cáo có tham gia đánh bạc với bị cáo T nhưng thời gian đánh lúc đó khoảng 8 giờ và chỉ có bị cáo và bị cáo T chơi với nhau, bị cáo không tham gia sòng bạc bắt đầu lúc 12 giờ với bị cáo T, bị cáo chỉ đứng xem.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định các bị cáo có tội: Vào khoảng 14 giờ ngày 18/5/2019, tại nhà của ông Võ Văn C thuộc ấp G, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh Công an huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bắt quả tang Nguyễn Bé T, Phan Văn V, Trần Văn Đ đang lặt tài xỉu thắng thua bằng tiền với Trương Văn N, Võ Công M, Hà Phước N, Phạm Văn Đ, Đậu Văn Đ, Lê Thành U, Lại Văn T, Mai Thị Thanh T, Nguyễn Thị L, Dương Thị K, Nguyễn Văn T. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc được xác định là 11.035.000 (mười một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn) đồng. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Bé T, Phan Văn V, Trần Văn Đ, Trương Văn N, Võ Công M, Hà Phước N, Phạm Văn Đ, Đậu Văn Đ, Lê Thành U, Lại Văn T, Mai Thị Thanh T, Nguyễn Thị L, Dương Thị

K, Nguyễn Văn T đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Nên Bản Cáo trạng số 73/CT – VKSTB ngày 28/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể là trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình của người tham gia đánh bạc. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng và có thể phát sinh ra các loại tội phạm khác như trộm cắp, gây thương tích, giết người, cướp tài sản... đồng thời gây mất trật tự tại địa phương. Nhằm đấu tranh, ngăn chặn tệ nạn cờ bạc diễn ra rất phức tạp tại địa phương, giữ gìn trật tự công cộng nên cần phải xử các bị cáo mức án nghiêm khắc với hành vi của các bị cáo để có điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Xét mức độ phạm tội của từng bị cáo:

Đối với các bị cáo Nguyễn Bé T, Phan Văn V, Trần Văn Đ mỗi người dùng 700.000 đồng cùng nhau làm cái, đối với bị cáo Võ Công M sử dụng số tiền 7.300.000 đồng để đánh bạc là người dùng số tiền nhiều nhất vào mục đích đánh bạc nên cần xử bị các bị cáo mức án cao hơn các bị cáo còn lại.

Đối với Trương Văn N sử dụng 550.000 đồng vào việc đánh bạc, Lại Văn T sử dụng 315.000 đồng vào việc đánh bạc, Nguyễn Văn T sử dụng 320.000 đồng vào việc đánh bạc, Đậu Văn Đ sử dụng 180.000 đồng vào việc đánh bạc, Mai Thị Thanh T sử dụng 80.000 đồng vào việc đánh bạc, Lê Thành U sử dụng 60.000 đồng vào việc đánh bạc, Hà Phước N sử dụng 50.000 đồng vào việc đánh bạc, Phạm Văn Đ sử dụng 30.000 đồng vào việc đánh bạc, Dương Thị K sử dụng 30.000 đồng vào việc đánh bạc, Nguyễn Thị L sử dụng 20.000 đồng vào việc đánh bạc nên cần xử các bị cáo mức án tương ứng với số tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Bé T, Phan Văn V, Trần Văn Đ, Trương Văn N, Võ Công M, Hà Phước N, Phạm Văn Đ, Đậu Văn Đ, Lại Văn T, Mai Thị Thanh T, Nguyễn Thị L, Dương Thị K, Nguyễn Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Lê Thành U quanh co không thừa nhận hành vi phạm tội của mình nên bị cáo chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó việc đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên là có cơ sở chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần mức án khi quyết định hình phạt.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[7] Về hình phạt áp dụng: Căn cứ vào tính chất mức độ, hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Nguyễn Bé T, Phan Văn V, Trần Văn Đ, Võ Công M.

Đối với các bị cáo Trương Văn N, Hà Phước N, Phạm Văn Đ, Đậu Văn Đ, Lê Thành U, Lại Văn T, Mai Thị Thanh T, Nguyễn Thị L, Dương Thị K, Nguyễn Văn T các bị cáo sử dụng số tiền không lớn để đánh bạc, có nhân thân tốt, mục đích phạm tội là sát phạt lẫn nhau thu lợi bất chính nên áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[8] Về hình phạt bổ sung:

Xét điều kiện kinh tế và khả năng thi hành Nguyễn Bé T, Phan Văn V, Trần Văn Đ, Võ Công M các bị cáo không có tài sản nên không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo Trương Văn N, Hà Phước N, Phạm Văn Đ, Đậu Văn Đ, Lê Thành U, Lại Văn T, Mai Thị Thanh T, Nguyễn Thị L, Dương Thị K, Nguyễn Văn T đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền thu giữ tại chiếu bạc: 6.610.000 (sáu triệu sáu trăm mười nghìn) đồng thu tại chiếu bạc là vật chứng vụ án, liên quan đến việc thực hiện tội phạm nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước;

- Đối với 02 hột xí ngầu là vật chứng trong vụ án, liên quan đến việc thực hiện tội phạm, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước của các bị cáo số tiền dùng vào việc đánh bạc gồm:

+ Của Phan Văn V 300.000 đồng; của Võ Công M 5.060.000 đồng; của Trương Văn N 500.000 đồng; của Hà Phước N 30.000 đồng; của Lại Văn T 315.000 đồng; của Lê Thành U 50.000 đồng;

- Tuyên trả lại cho các bị cáo những tài sản không liên quan đến việc thực hiện tội phạm. Nhưng giao Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án gồm:

+ Của Đậu Văn Đ 01 điện thoại di động Nokia, màu xanh, số Imel: 357286081569240;

+ Của Mai Thị Thanh T 01 điện thoại Samsung, màu đen, số Imel 355228/08/235311/9; 01 xe mô tô Honda Blade, màu đen, biển số 70H1-351.28, số máy 0593005;

+ Của Hà Phước N 01 xe mô tô Dream, màu nâu, biển số 70S2-6076, số máy 0032397;

+ Của Nguyễn Thị L 01 xe mô tô Dream, màu nâu, biển số 53X5-7220, số máy 99101098;

+ Của Lại Văn T 01 điện thoại Nokia màu đen, số Imel: 357401044854411; 01 xe mô tô không rõ loại, không biển số, số máy M0186917;

+ Của Trương Văn N tiền Việt Nam 3.035.000 (ba triệu không trăm ba mươi lăm nghìn) đồng; 01 điện thoại Nokia màu đen, số Imel 354893085639722;

+ Cửa Dương Thị K tiền Việt Nam 740.000 (bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng; 01 điện thoại Masstel màu vàng, số Imel 358372047130035; 01 điện thoại Huawei, màu bạc, số Imel: 869504021527669; 01 xe mô tô Dream, màu nâu, biển số 70H1-042.93, số máy RPKFM1P52FMH00021525;

+ Cửa Phạm Văn Đ: 01 điện thoại Nokia màu xanh, số Imel: 359002098334504;

[10] Xử lý tài sản kê biên: Tiếp tục duy trì lệnh kê biên tài sản số 18 ngày 08/8/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Biên đối với quyền sử dụng đất với diện tích 345m² thuộc thửa đất số 756 tờ bản đồ số 09 tại ấp U, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh Mai Thị Thanh T và Lệnh kê biên số 19 ngày 08/8/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Biên đối với quyền sử dụng đất với diện tích 708 m² thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 32 tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh của Trương Văn N.

[11] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Bé T, Phan Văn V, Trần Văn Đ, Trương Văn N, Võ Công M, Hà Phước N, Phạm Văn Đ, Đậu Văn Đ, Lê Thành U, Lại Văn T, Mai Thị Thanh T, Nguyễn Thị L, Dương Thị K, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bé T 06 (sáu) tháng tù về tội “**Đánh bạc**”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 20/5/2019.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn V 06 (sáu) tháng tù về tội “**Đánh bạc**”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 19/5/2019.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 06 (sáu) tháng tù về tội “**Đánh bạc**”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 09/7/2019.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Công M 06 (sáu) tháng tù về tội “**Đánh bạc**”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 23/10/2019.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn N 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước về tội **“Đánh bạc”**.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước về tội **“Đánh bạc”**.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lại Văn T 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước về tội **“Đánh bạc”**.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thành U 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước về tội **“Đánh bạc”**.

9. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đậu Văn Đ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước về tội **“Đánh bạc”**.

10. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Mai Thị Thanh T 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước về tội **“Đánh bạc”**.

11. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Phước N 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước về tội **“Đánh bạc”**.

12. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Thị K 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước về tội **“Đánh bạc”**.

13. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước về tội **“Đánh bạc”**.

14. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước về tội **“Đánh bạc”**.

15. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 6.610.000 (sáu triệu sáu trăm mười nghìn) đồng thu tại chiếu bạc;

- Tịch thu tiêu hủy 02 hột xì ngầu;

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước của các bị cáo số tiền dùng vào việc đánh bạc gồm:

+ Của Phan Văn V 300.000 đồng; của Võ Công M 5.060.000 đồng; của Trương Văn N 500.000 đồng; của Hà Phước N 30.000 đồng; của Lại Văn T 315.000 đồng; của Lê Thành U 50.000 đồng;

- Tạm giữ số tiền và các tài sản của các bị cáo để đảm bảo việc thi hành án gồm:

+ Của Đậu Văn Đ 01 điện thoại di động Nokia, màu xanh, số Imel: 357286081569240;

+ Của Mai Thị Thanh T 01 điện thoại Samsung, màu đen, số Imel 355228/08/235311/9; 01 xe mô tô Honda Blade, màu đen, biển số 70H1-351.28, số máy 0593005;

+ Của Hà Phước N 01 xe mô tô Dream, màu nâu, biển số 70S2-6076, số máy 0032397;

+ Của Nguyễn Thị L 01 xe mô tô Dream, màu nâu, biển số 53X5-7220, số máy 99101098;

+ Của Lại Văn T 01 điện thoại Nokia màu đen, số Imel: 357401044854411; 01 xe mô tô không rõ loại, không biển số, số máy M0186917;

+ Của Trương Văn N tiền Việt Nam 3.035.000 (ba triệu không trăm ba mươi lăm nghìn) đồng; 01 điện thoại Nokia màu đen, số Imel 354893085639722;

+ Của Dương Thị K tiền Việt Nam 740.000 (bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng; 01 điện thoại Masstel màu vàng, số Imel 358372047130035; 01 điện thoại Huawei, màu bạc, số Imel: 869504021527669; 01 xe mô tô Dream, màu nâu, biển số 70H1-042.93, số máy RPKFM1P52FMH00021525;

+ Của Phạm Văn Đ: 01 điện thoại Nokia màu xanh, số Imel: 359002098334504;

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản bàn giao vật chứng ngày 10/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh).

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

16. Xử lý tài sản kê biên: Tiếp tục duy trì lệnh kê biên tài sản số 18 ngày 08/8/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Biên đối với quyền sử dụng đất với diện tích 345m² thuộc thửa đất số 756 tờ bản đồ số 09 tại ấp U, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh của Mai Thị Thanh T và Lệnh kê biên số 19 ngày 08/8/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Biên đối với quyền sử dụng đất với diện tích 708 m² thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 32 tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh của Trương Văn N cho đến khi bị cáo T và bị cáo N thi hành xong các khoản tiền phạt và án phí.

17. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Bé T, Phan Văn V, Trần Văn Đ, Trương Văn N, Võ Công M, Hà Phước N, Phạm Văn Đ, Đậu Văn Đ, Lê Thành U, Lại Văn T, Mai Thị Thanh T, Nguyễn Thị L, Dương Thị K, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAT;
- Sở tư pháp TN;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Đội điều tra công an huyện Tân Biên;
- Nhà tạm giữ công an huyện Tân Biên;
- Văn phòng công an huyện Tân Biên;
- Bị cáo;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu THAHS;
- Lưu tập án; N².

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Nam